

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban điều hành	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	15 - 44
8. Phụ lục	45

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất được chuyển đổi từ Công ty dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (Công ty dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty cảng hàng không Miền Nam được thành lập theo Quyết định số 1040/QĐ-TCTCHKMN ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Tổng Công ty cảng hàng không Miền Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000177, đăng ký lại lần thứ 1 ngày 02 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp) theo Quyết định số 22/QĐ-TCTCHKMN ngày 31 tháng 5 năm 2010 của Tổng Công ty cảng hàng không miền Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301123125, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 02 tháng 7 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 887.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84.8) 38.448358
Fax : (84.8) 38.447812
E-mail: : sasco@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 0301123125

Các đơn vị phụ thuộc, chi nhánh:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Phú Quốc	Thị Trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Hà Nội	74 Tây Sơn (tầng 3), phường Quang Trung, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, chi tiết: Kinh doanh hàng miễn thuế; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo, hàng thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý, văn hóa phẩm (có nội dung được phép lưu hành); Nông, lâm, hải sản nguyên liệu, động vật sống (không hoạt động tại trụ sở và trừ động vật quý hiếm); Hóa chất sử dụng trong nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật); Vật liệu xây dựng; Xe có động cơ, mô tô, xe gắn máy, phụ tùng cho xe có động cơ, xăng, dầu, mỡ (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Nguyên vật liệu phi nông nghiệp, phế liệu và đồ phế thải (không hoạt động tại trụ sở); Máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế ngành công – nông – ngư nghiệp, hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Tạp phẩm, máy móc, thiết bị, đồ dùng cá nhân và gia đình; Sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); Xăng, dầu, mỡ, nhớt, gia vị, nước chấm, nước sốt, thủy hải sản, thức ăn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở); Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách.
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao), chi tiết: Dịch vụ massage, xoa bóp, bấm huyệt đôi bàn chân, tắm bùn khoáng.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho, nhà ở, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh.
- Vệ sinh chung nhà cửa.
- Bru chính.
- Chuyển phát, chi tiết: Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện, dịch vụ chuyển phát nhanh hàng hóa.
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt), chi tiết: Đại lý vận tải bằng đường bộ, vận tải khách du lịch, vận tải hành khách theo tuyến cố định theo hợp đồng bằng xe taxi, xe buýt.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện, chi tiết: Chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (trừ sản xuất giường, tủ, bàn, ghế và không hoạt động tại trụ sở).
- Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở).
- Đại lý du lịch.
- Quảng cáo.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.
- Hoạt động viễn thông không dây và có dây (trừ dịch vụ truy cập internet).
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón, chi tiết: Khai thác, chế biến bùn khoáng (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở).
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chi tiết: Chăn nuôi thủy sản; Chế biến cá và thủy sản trên tàu; Cung cấp nước đá lạnh bảo quản thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở).
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Đại lý môi giới, đấu giá, chi tiết: môi giới thương mại.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội, ngoại thất công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thẩm tra thiết kế công trình; Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; Quản lý dự án; Thẩm tra dự án đầu tư; Lập dự toán và tổng dự toán công trình.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở).
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Nhà hàng; Dịch vụ cung cấp khẩu phần ăn trên máy bay; Dịch vụ cung cấp ăn uống theo hợp đồng.
- Điều hành tua du lịch, chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Kinh doanh bãi tắm, vũ trường, karaoke (không hoạt động tại TP. Hồ Chí Minh); Hoạt động bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, dịch vụ du thuyền, thể thao trên không, nhảy dù, hoạt động của các câu lạc bộ thể dục, thể hình, nhịp điệu.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu.
- Sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)

30044
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN MIỀN
BẮC
KINH
ĐÔNG
PHƯƠNG
A
/NH-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở).
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (không hoạt động tại trụ sở).
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy.
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật, giao thông.
- Hoạt động tư vấn quản lý, chi tiết: Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Môi giới hàng hải; Dịch vụ làm thủ tục hải quan; dịch vụ kiểm tra an toàn phương tiện vận tải; Dịch vụ hoa tiêu xe ô tô; Kéo xe bị hỏng; Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp, đóng gói hàng hóa; Đại lý vé máy bay; Kinh doanh khai thác bến cảng; Khai thác dịch vụ kỹ thuật, thương mại hàng không, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không (trừ kinh doanh cảng hàng không, cung cấp dịch vụ hàng không, kinh doanh vận chuyển hàng không và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Vận tải đường ống (không hoạt động tại trụ sở).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Nghị quyết Hội đồng thành viên Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam số 377/NQ-HĐTV ngày 14 tháng 8 năm 2013 đã thống nhất phương án cổ phần hóa doanh nghiệp, trong đó Tổng Công ty sẽ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Ngày 23 tháng 8 năm 2013, Bộ Giao thông Vận tải đã có Quyết định số 2524/QĐ-BGTVT phê duyệt Công ty được phép thực hiện cổ phần hóa theo qui định hiện hành.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 44).

Trong năm, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2013 theo hướng dẫn tại Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính – Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Trích quỹ đầu tư phát triển	22.820.409.044
Trích lương viên chức quản lý	269.308.326
Trích quỹ khen thưởng	24.983.501.281
Trích quỹ phúc lợi	24.983.501.280
Nộp lợi nhuận và các quỹ về Công ty mẹ	31.580.314.004

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban điều hành Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Danh	Chủ tịch kiêm Giám đốc	08 tháng 6 năm 2010	-
Bà Đoàn Thị Mai Hương	Phó Giám đốc	08 tháng 6 năm 2010	-
Ông Lê Chí Công	Phó Giám đốc	08 tháng 6 năm 2010	-
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Kế toán trưởng	08 tháng 6 năm 2010	-
Bà Võ Việt Trinh	Kiểm soát viên	08 tháng 6 năm 2010	-

9815-C
GTY
EM HUU HA
VA TU V
& C
TP HO CH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban điều hành Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Nguyễn Quốc Danh
Giám đốc Công ty

Ngày 06 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Văn Hùng Cường
Kế toán trưởng





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City

Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City

Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City

www.a-c.com.vn

Số: 0111/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất, được lập ngày 14 tháng 02 năm 2014, từ trang 08 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Các khoản chi hộ ngắn và dài hạn cho Công ty cổ phần liên doanh Nhà Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 265.821.843.274 VND. Đây là khoản phải thu không có khả năng thu hồi nhưng năm 2012 Công ty chỉ lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 175.379.179.731 VND do thực hiện theo Quyết định số 777/QĐ-HĐTV và Quyết định số 778/QĐ-HĐTV ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng thành viên về việc phê duyệt tỷ suất lợi nhuận năm 2012. Nếu khoản nợ này được trích lập dự phòng đầy đủ và đúng niên độ thì chi phí dự phòng năm 2012 phải trích bổ sung thêm 90.442.663.543 VND. Khi đó, lợi nhuận năm 2012 sẽ giảm xuống và lợi nhuận năm 2013 sẽ tăng lên cùng một khoản là 90.442.663.543 VND.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.2, V.21 và VI.3 về việc Công ty đã ghi tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính cho lượng cổ phiếu thưởng hiện có đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo hướng dẫn của Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính với số tiền là 19.862.610.000 VND. Việc ghi nhận này làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng thêm là 4.896.360.000 VND.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Phạm Đình Dương - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1834-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		956.612.440.629	937.666.291.296
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	466.595.788.342	342.036.370.774
1. Tiền	111		139.056.547.870	162.036.370.774
2. Các khoản tương đương tiền	112		327.539.240.472	180.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		106.851.577.500	170.331.786.850
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	142.703.950.000	189.737.700.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(35.852.372.500)	(19.405.913.150)
III. Các khoản phải thu	130		131.603.821.186	138.209.924.720
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	75.309.913.589	63.041.528.806
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	13.915.728.981	19.119.212.613
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	71.414.551.238	62.376.593.972
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(29.036.372.622)	(6.327.410.671)
IV. Hàng tồn kho	140		238.930.653.706	268.189.726.548
1. Hàng tồn kho	141	V.8	241.018.576.742	268.692.338.540
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(2.087.923.036)	(502.611.992)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.630.599.895	18.898.482.404
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	6.962.142.876	9.914.235.766
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.459.863.765	6.221.444.728
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	231.995.955	107.265.570
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	2.976.597.299	2.655.536.340

9875
 GTV
 M HƯ
 VÀ T
 3 C
 HỒ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		606.780.632.850	633.421.435.114
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	78.828.058.337
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.13	295.347.222.331	280.470.251.574
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.14	(295.347.222.331)	(201.642.193.237)
II. Tài sản cố định	220		210.249.689.345	107.028.314.335
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.15	169.852.823.805	85.005.165.122
<i>Nguyên giá</i>	222		443.871.594.739	342.383.894.687
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(274.018.770.934)	(257.378.729.565)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.16	20.976.042.314	11.636.549.630
<i>Nguyên giá</i>	228		24.551.532.373	14.856.707.055
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.575.490.059)	(3.220.157.425)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.17	19.420.823.226	10.386.599.583
III. Bất động sản đầu tư	240	V.18	20.278.863.188	20.854.987.244
<i>Nguyên giá</i>	241		24.976.237.600	24.976.237.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(4.697.374.412)	(4.121.250.356)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		279.708.111.720	352.811.751.720
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.19	149.376.730.000	149.376.730.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.20	39.732.051.987	39.732.051.987
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.21	107.408.638.880	180.512.278.880
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.22	(16.809.309.147)	(16.809.309.147)
V. Tài sản dài hạn khác	260		96.543.968.597	73.898.323.478
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.23	8.032.725.454	7.341.128.016
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.24	65.238.857.138	44.523.030.857
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.25	23.272.386.005	22.034.164.605
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.563.393.073.479	1.571.087.726.410

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		651.738.378.695	669.976.301.270
I. Nợ ngắn hạn	310		645.915.823.242	667.283.427.880
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.26	112.189.768.548	88.194.733.223
2. Phải trả người bán	312	V.27	361.862.417.234	415.292.119.473
3. Người mua trả tiền trước	313	V.28	5.682.959.969	11.104.062.431
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.29	38.692.707.859	22.977.355.732
5. Phải trả người lao động	315	V.30	58.577.153.383	56.499.382.750
6. Chi phí phải trả	316		267.102.496	49.809.159
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.31	37.000.817.671	10.380.496.049
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.32	31.642.896.082	62.785.469.063
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.822.555.453	2.692.873.390
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		436.424.144	706.424.144
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.33	5.386.131.309	1.986.449.246
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		911.654.694.784	901.111.425.140
I. Vốn chủ sở hữu	410		911.654.694.784	901.111.425.140
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.34	887.000.000.000	797.936.572.459
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.34	-	94.812.022.284
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.34	24.654.694.784	8.362.830.397
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.563.393.073.479	1.571.087.726.410

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

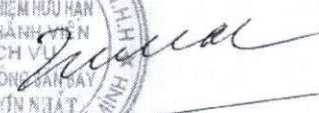
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	V.35		
- VND		29.281.090.938	26.317.559.419
- USD		-	618.913,25
4. Nợ khó đòi đã xử lý		617.946.677	394.747.722
5. Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Úc (AUD)		4.890,00	1.455,00
- Bạc Thái Lan (BHT)		24.650,00	41.610,00
- Dollar Canada (CAD)		500,00	430,00
- Euro (EUR)		31.522,56	44.424,38
- Bảng Anh (GBP)		785,00	550,01
- Franc Thụy Sĩ (CHF)		350,00	350,00
- Dollar Hồng Kông (HKD)		3.380,00	4.410,00
- Yên Nhật (JPY)		845.000,00	397.000,00
- Dollar Singapore (SGD)		5.512,00	1.641,00
- Dollar Mỹ (USD)		3.787.220,83	4.690.428,05
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2014


Tôn Nữ Diệu Trí
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hùng Cường
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Danh
Giám đốc Công ty



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

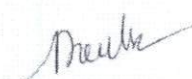
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP Năm 2013

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.012.995.303.195	1.814.728.041.677
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	4.614.497.759	5.060.569.797
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.008.380.805.436	1.809.667.471.880
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.381.161.132.279	1.255.046.894.534
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		627.219.673.157	554.620.577.346
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	105.155.904.442	110.257.271.251
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	25.302.765.014	(29.749.480.089)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.429.075.383	2.285.204.591
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	342.667.197.863	300.875.739.091
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	270.337.630.584	307.929.026.469
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		94.067.984.138	85.822.563.126
11. Thu nhập khác	31	VI.7	29.535.822.348	25.312.807.829
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.085.021.319	1.508.808.623
13. Lợi nhuận khác	40		28.450.801.029	23.803.999.206
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		122.518.785.167	109.626.562.332
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.29	47.475.034.850	61.299.272.665
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(17.316.144.218)	(50.592.673.466)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>92.359.894.535</u>	<u>98.919.963.133</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-


Tôn Nữ Diệu Trí
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hùng Cường
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2014




Nguyễn Quốc Danh
Giám đốc Công ty

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		122.518.785.167	109.626.562.332
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.15,V.16,V.18	36.439.200.973	25.600.554.330
- Các khoản dự phòng	03	V.3,V.7,V.9,V.14	134.445.761.439	86.336.084.261
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3,VI.4	(16.291.864.387)	(8.501.841.534)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,VI.7,VI.8	(88.356.380.673)	(82.708.131.939)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.429.075.383	2.285.204.591
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		191.184.577.902	132.638.432.041
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(45.899.421.864)	(2.415.796.553)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		27.673.761.798	(8.246.562.167)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(54.972.919.971)	21.506.537.477
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.318.047.215	(7.159.383.107)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.302.656.525)	(2.285.204.591)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.29	(31.419.837.917)	(34.168.085.809)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		617.272.043	12.542.242.069
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(83.364.903.868)	(51.383.295.745)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.833.918.813	61.028.883.615
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.15,V.16,V.17	(140.705.463.753)	(36.118.881.689)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	3.399.774.308	1.603.298.061
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(78.000.000.000)	(209.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		218.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(105.526.950.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	233.598.943.891
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		97.878.029.118	58.427.483.017
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		100.572.339.673	(57.516.106.720)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.26	492.932.603.443	429.227.930.203
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.26	(468.743.050.719)	(454.232.728.392)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.31, V.34	(4.853.457.216)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		19.336.095.508	(25.004.798.189)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		124.742.353.994	(21.492.021.294)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	342.036.370.774	362.428.884.440
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(182.936.426)	1.099.507.628
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	466.595.788.342	342.036.370.774

meubz
 Tôn Nữ Diệu Trí
 Người lập biểu

ku
 Nguyễn Văn Hùng Cường
 Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Danh
 Giám đốc Công ty



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH một thành viên Nhà Nước.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, Thương mại, Sản xuất.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến suất ăn, kinh doanh ăn uống, hàng mỹ nghệ, hàng miễn thuế; Sản xuất nước uống; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh; Sửa chữa ô tô, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành Hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại Hàng không; Đại lý bán vé máy bay, kinh doanh quảng cáo; Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách, nhập khẩu trang thiết bị phục vụ công tác kinh doanh của công ty; Mua bán rượu và thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán lẻ xăng dầu; Kinh doanh trang trại; Kinh doanh bất động sản, môi giới bất động sản; Kinh doanh du lịch, lữ hành quốc tế, đại lý đối ngoại tệ; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ xoa bóp đôi bàn chân tại khu vực cách ly ga đi quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 1.852 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.622 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Nghị quyết Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam số 377/NQ-HĐTV ngày 14 tháng 8 năm 2013 đã thống nhất phương án cổ phần hóa doanh nghiệp, trong đó Tổng Công ty sẽ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Ngày 23 tháng 8 năm 2013, Bộ Giao thông vận tải đã có Quyết định số 2524/QĐ-BGTVT phê duyệt Công ty được phép thực hiện cổ phần hóa theo qui định hiện hành.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Doanh thu, giá vốn giữa các đơn vị trực thuộc chưa được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng hóa của cửa hàng miễn thuế và trung tâm thương mại được tính theo phương pháp thực tế đích danh, hàng tồn kho còn lại được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo thời gian sử dụng đất.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 36 – 47 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 04 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3004
CỘNG HÒA
XÃ HỘI
CHÍNH
HÀNH
TOÀN
CẦU
A
VH-T

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí thuê mặt bằng quảng cáo, chi phí vận chuyển, bản quyền diệt virus, ... được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

9BT
3T
NH
VAT
C
HO

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ có vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo hướng dẫn của thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính – Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Cụ thể như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Tối thiểu 30% lợi nhuận được phân phối	
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo kết quả phân loại doanh nghiệp	Không quá 03 tháng lương thực hiện.
• Trích quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho viên chức quản lý	Theo kết quả phân loại doanh nghiệp	Không quá 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính tổng hợp và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 21.083 VND/USD
28.994 VND/EUR
31/12/2012: 20.811 VND/USD
27.291 VND/EUR

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

030
C
RÁCH
IỂM T
BIN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	6.459.468.365	17.355.774.751
Tiền gửi ngân hàng	131.644.312.562	143.198.677.274
Tiền đang chuyển ⁽ⁱ⁾	952.766.943	1.481.918.749
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱ⁾	327.539.240.472	180.000.000.000
Cộng	466.595.788.342	342.036.370.774

⁽ⁱ⁾ Thẻ tín dụng thu của khách hàng.

⁽ⁱⁱ⁾ Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		64.703.950.000		49.737.700.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á ⁽ⁱ⁾	3.410.000	63.671.700.000	3.410.000	48.705.450.000
Công ty cổ phần được Cần Giờ	53.225	1.032.250.000	53.225	1.032.250.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng		78.000.000.000		140.000.000.000
Cộng		142.703.950.000		189.737.700.000

⁽ⁱ⁾ Trong năm, Công ty hạch toán tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số cổ phiếu thưởng được chia các năm trước với số tiền 14.966.250.000 VND theo hướng dẫn tại Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn. Chi tiết số phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	19.405.913.150	22.092.340.650
Trích lập dự phòng bổ sung	16.446.459.350	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.686.427.500)
Số cuối năm	<u>35.852.372.500</u>	<u>19.405.913.150</u>

4. Phải thu của khách hàng

Chi tiết phải thu khách hàng tại từng đơn vị trực thuộc như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	7.328.351.344	5.772.413.926
Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	60.187.823.925	47.129.622.856
Chi nhánh Phú Quốc	1.656.933.216	3.535.892.104
Chi nhánh Hà Nội	6.136.805.104	6.603.599.920
Cộng	<u>75.309.913.589</u>	<u>63.041.528.806</u>

5. Trả trước cho người bán

Chi tiết trả trước cho người bán tại từng đơn vị trực thuộc như sau :

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	8.117.763.651	4.775.954.221
Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	2.783.565.330	9.589.912.804
Chi nhánh Phú Quốc	3.014.400.000	4.753.345.588
Cộng	<u>13.915.728.981</u>	<u>19.119.212.613</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu hoàn thuế GTGT	21.570.255.501	-
Các khoản chi hộ cho Công ty liên doanh Nhà Việt (Viet Home GMBH)	26.015.309.924	15.391.831.700
Thu cổ tức và lãi Công ty TNHH dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất	-	26.027.780.203
Phải thu tiền thuê đất - Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất	2.829.519.935	2.110.475.030
Thu vốn và lãi bán nền Công ty TNHH một thành viên xây dựng & kinh doanh nhà Phú Nhuận	2.430.156.375	3.056.715.280
Lãi dự thu của các ngân hàng	5.882.138.069	12.074.930.556
Ứng trước phí làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	10.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	2.687.171.434	3.714.861.203
Cộng	<u>71.414.551.238</u>	<u>62.376.593.972</u>

115.
TY
HUU
TU
C
100

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	6.801.673.004	6.327.410.671
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	361.001.988
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	601.669.979	816.714.558
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.173.921.487	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	5.026.081.538	5.149.694.125
Dự phòng nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi	22.234.699.618	-
Cộng	<u>29.036.372.622</u>	<u>6.327.410.671</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	6.327.410.671	28.675.797.848
Trích lập dự phòng bổ sung	22.708.961.951	164.878.972
Kết chuyển sang dài hạn	-	(22.513.266.149)
Số cuối năm ⁽ⁱ⁾	<u>29.036.372.622</u>	<u>6.327.410.671</u>

⁽ⁱ⁾ Trong đó, khoản dự phòng phải thu các khoản chi hộ ngắn hạn cho Công ty liên doanh Nhà Việt (Viet Home GMBH) là 26.015.309.924 VND.**8. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.188.212.313	2.913.450.520
Công cụ, dụng cụ	830.675.874	1.188.420.320
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	1.240.104.587
Thành phẩm	263.008.278	967.143.714
Hàng hóa	236.698.269.825	262.204.577.696
Hàng gửi đi bán	38.410.452	178.641.703
Cộng	<u>241.018.576.742</u>	<u>268.692.338.540</u>

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	502.611.992	575.111.940
Trích lập dự phòng bổ sung	1.585.311.044	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(72.499.948)
Số cuối năm	<u>2.087.923.036</u>	<u>502.611.992</u>

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	1.059.026.830	535.007.344
Công cụ, dụng cụ	933.894.892	910.170.065
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.969.221.154	8.469.058.357
Cộng	<u>6.962.142.876</u>	<u>9.914.235.766</u>



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa

12. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	895.082.117	2.233.293.252
Ký quỹ ngắn hạn	2.081.515.182	422.243.088
Cộng	<u>2.976.597.299</u>	<u>2.655.536.340</u>

13. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ cho Công ty liên doanh Nhà Việt (Viet Home GMBH)	265.306.982.331	250.430.011.574
Khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng cho Công ty xuất nhập khẩu và hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco)	30.040.240.000	30.040.240.000
Cộng	<u>295.347.222.331</u>	<u>280.470.251.574</u>

14. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	54.939.500.267	61.489.101.437
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	7.299.192.916
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	54.939.500.267	54.189.908.521
Dự phòng nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi	240.407.722.064	140.153.091.800
Cộng	<u>295.347.222.331</u>	<u>201.642.193.237</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu dài hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	201.642.193.237	30.040.240.000
Trích lập dự phòng bổ sung	93.705.029.094	149.088.687.088
Kết chuyển từ ngắn hạn sang	-	22.513.266.149
Số cuối năm ⁽ⁱ⁾	<u>295.347.222.331</u>	<u>201.642.193.237</u>

⁽ⁱ⁾ Trong đó, khoản dự phòng phải thu các khoản chi hộ dài hạn cho Công ty liên doanh Nhà Việt (Viet Home GMBH) là 265.306.982.331 VND.**15. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	92.830.664.478	31.418.460.905	208.723.781.086	7.961.994.218	1.448.994.000	342.383.894.687
Mua sắm mới	43.190.000	2.321.749.932	111.960.235.452	499.546.326	69.090.900	114.893.812.610
Đầu tư XDCB hoàn thành	6.743.400.118	228.672.382	-	-	-	6.972.072.500
Phân loại lại	(53.550.861.258)	-	-	-	53.550.861.258	-
Thanh lý, nhượng bán	(3.484.271.046)	(3.675.518.222)	(1.297.915.079)	(346.934.605)	-	(8.804.638.952)
Giảm khác ^(*)	(1.570.098.509)	(6.187.349.686)	(12.599.545)	(3.617.284.466)	(186.213.900)	(11.573.546.106)
Số cuối năm	<u>41.012.023.783</u>	<u>24.106.015.311</u>	<u>319.373.501.914</u>	<u>4.497.321.473</u>	<u>54.882.732.258</u>	<u>443.871.594.739</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	61.210.304.432	19.329.642.235	75.238.001.953	3.415.438.224	1.331.871.000	160.525.257.844
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	76.828.227.588	29.304.703.186	143.080.901.475	6.782.284.725	1.382.612.591	257.378.729.565
Khấu hao trong năm	3.744.475.458	995.976.470	30.173.459.114	466.922.232	16.381.327	35.397.214.601
Phân loại lại	(50.332.184.907)	-	-	-	50.332.184.907	-
Thanh lý, nhượng bán	(3.336.795.065)	(3.308.480.472)	(1.248.968.747)	(346.934.605)	-	(8.241.178.889)
Giảm khác (*)	(1.432.416.120)	(5.964.027.300)	(12.408.643)	(3.040.019.362)	(67.122.918)	(10.515.994.343)
Số cuối năm	25.471.306.954	21.028.171.884	171.992.983.199	3.862.252.990	51.664.055.907	274.018.770.934
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	16.002.436.890	2.113.757.719	65.642.879.611	1.179.709.493	66.381.409	85.005.165.122
Số cuối năm	15.540.716.829	3.077.843.427	147.380.518.715	635.068.483	3.218.676.351	169.852.823.805
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	5.331.649.038	-	-	5.331.649.038

(*) Điều chỉnh giảm các tài sản không thỏa điều kiện là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính sang chi phí trả trước dài hạn.

16. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	12.951.972.335	100.555.555	1.804.179.165	14.856.707.055
Mua trong năm	9.768.210.000	-	37.145.000	9.805.355.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(32.087.220)	(32.087.220)
Giảm khác (*)	-	-	(78.442.462)	(78.442.462)
Số cuối năm	22.720.182.335	100.555.555	1.730.794.483	24.551.532.373
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	45.000.000	1.373.849.483	1.418.849.483
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.440.541.225	82.037.043	1.697.579.157	3.220.157.425
Khấu hao trong năm	333.562.320	13.888.884	118.411.112	465.862.316
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(32.087.220)	(32.087.220)
Giảm khác (*)	-	-	(78.442.462)	(78.442.462)
Số cuối năm	1.774.103.545	95.925.927	1.705.460.587	3.575.490.059
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	11.511.431.110	18.518.512	106.600.008	11.636.549.630
Số cuối năm	20.946.078.790	4.629.628	25.333.896	20.976.042.314
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

(*) Điều chỉnh giảm các tài sản không thỏa điều kiện là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Văn phòng Công ty	10.386.599.583	11.404.727.035	(2.461.347.675)	(45.922.179)	19.284.056.764
Chi nhánh Phú Quốc	-	4.686.005.543	(4.510.724.825)	(38.514.256)	136.766.462
Cộng	10.386.599.583	16.090.732.578	(6.972.072.500)	(84.436.435)	19.420.823.226

18. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	24.976.237.600	4.121.250.356	20.854.987.244
Tăng trong năm	-	576.124.056	-
Số cuối năm	24.976.237.600	4.697.374.412	20.278.863.188

Tại thời điểm cuối năm, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

19. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất.

Theo Nghị quyết số 04/NQ/ĐHCD-TAPETCO-2012 ngày 08 tháng 10 năm 2012, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất 149.376.730.000 VND, tương đương 65% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo Quyết định số 06/QĐ/ĐHCD-TAPETCO-2012 ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất.

20. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco ⁽ⁱ⁾	-	10.800.262.269	-	10.800.262.269
Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay ⁽ⁱⁱ⁾	1.283.150	12.831.500.000	1.283.150	12.831.500.000
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	14.900.289.718	-	14.900.289.718
Công ty cổ phần phát triển vườn xanh ^(iv)	1.200	1.200.000.000	1.200	1.200.000.000
Cộng		39.732.051.987		39.732.051.987

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5602000027 ngày 12 tháng 4 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco 10.800.262.269 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.283.150 cổ phiếu, tương đương 28,51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh ngày 08 tháng 6 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH), 29% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được lập dự phòng 100% do lỗ lũy kế của Công ty liên doanh Nhà Việt vượt đã vốn đầu tư.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305515483 ngày 03 tháng 7 năm 2010, Công ty nắm giữ 1.200 cổ phiếu tương đương 24% vốn điều lệ của Công ty cổ phần phát triển vườn xanh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**21. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài ⁽ⁱ⁾	369.600	8.696.000.000	369.600	7.200.000.000
Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài	500.000	8.810.000.000	500.000	8.810.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾	296.391	2.745.452.880	296.391	2.427.902.880
Công ty cổ phần công trình Hàng Không	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Công ty cổ phần địa ốc Thảo Điền ⁽ⁱⁱ⁾	1.444.201	44.442.010.000	1.374.510	41.575.200.000
Công ty cổ phần thương mại Sabeco Trung tâm	7.000	70.000.000	7.000	70.000.000
Công ty cổ phần du lịch thung lũng tình yêu Đà Lạt ⁽ⁱⁱⁱ⁾	165.600	11.542.176.000	144.000	11.326.176.000
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	170.000	4.930.000.000	170.000	4.930.000.000
Công ty TNHH dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất	-	7.425.000.000	-	7.425.000.000
Công ty TNHH một thành viên Nhà Phú Nhuận	-	10.948.000.000	-	10.948.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Phú Quốc	-	2.800.000.000	-	2.800.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 01 năm	-	-	-	78.000.000.000
Cộng		107.408.638.880		180.512.278.880

(i) Trong năm, Công ty đã hạch toán tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số cổ phiếu thường được chia các năm trước với số tiền 1.813.550.000 VND theo hướng dẫn tại Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính.

(ii) Cổ phiếu Công ty cổ phần địa ốc Thảo Điền tăng do trong năm Công ty được chia 69.961 cổ phiếu thường tương đương 699.610.000 VND do được trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Ngoài ra, Công ty đã hạch toán tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số cổ phiếu thường được chia các năm trước với số tiền 2.169.900.000 VND theo hướng dẫn tại Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính.

(iii) Cổ phiếu Công ty cổ phần du lịch thung lũng tình yêu Đà Lạt tăng do trong năm Công ty được chia 21.600 cổ phiếu thường tương đương 216.000.000 VND do được trả cổ tức bằng cổ phiếu.

22. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	1.909.019.429	1.909.019.429
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	14.900.289.718	14.900.289.718
Cộng	16.809.309.147	16.809.309.147

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

23. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân loại	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	1.220.579.892	4.885.408.965		(2.509.005.569)	-	3.596.983.288
Chi phí sửa chữa lớn	3.196.669.466	343.522.241	64.446.150	(1.990.671.411)	(435.859.204)	1.178.107.242
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.923.878.658	3.311.090.875	(64.446.150)	(2.463.854.757)	(449.033.702)	3.257.634.924
Cộng	7.341.128.016	8.540.022.081	-	(6.963.531.737)	(884.892.906)	8.032.725.454

24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	44.523.030.857	886.281.575
Số phát sinh	20.715.826.281	43.636.749.282
Số cuối năm	65.238.857.138	44.523.030.857

25. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ thuê mặt bằng Berlin	16.816.711.400	15.828.490.000
Ký quỹ thực hiện dự án khu du lịch Suối Hoa	4.763.450.000	4.763.450.000
Ký quỹ dài hạn khác	1.692.224.605	1.442.224.605
Cộng	23.272.386.005	22.034.164.605

26. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	112.189.768.548	87.474.733.223
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - TP. Hồ Chí Minh Chi nhánh 7	-	41.358.649.820
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	-	46.116.083.403
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	20.888.818.408	-
Ngân hàng thương mại Chinatrust - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	36.840.729.721	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	27.505.808.337	-
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) ^(iv)	26.954.412.082	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	720.000.000
Cộng	112.189.768.548	88.194.733.223

(i) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất bằng lãi suất cơ bản cộng với biên bộ thỏa thuận.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại Chinatrust - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất bằng lãi suất cơ bản cộng với biên bộ thỏa thuận.

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất bằng lãi suất cơ bản cộng với biên bộ thỏa thuận.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất bằng lãi suất cơ bản cộng với biên bộ thỏa thuận.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	87.474.733.223	492.932.603.443	(194.517.399)	(468.023.050.719)	112.189.768.548
Vay dài hạn đến hạn trả	720.000.000	-	-	(720.000.000)	-
Cộng	88.194.733.223	492.932.603.443	(194.517.399)	(468.743.050.719)	112.189.768.548

27. Phải trả cho người bán

Chi tiết phải trả cho người bán tại từng đơn vị trực thuộc như sau :

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	8.147.207.941	24.823.635.479
Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	35.957.879.347	37.246.450.392
Chi nhánh Phú Quốc	2.765.412.289	3.134.599.378
Chi nhánh Hà Nội	226.161.000	480.691.069
Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	314.765.756.657	349.606.743.155
Cộng	361.862.417.234	415.292.119.473

28. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện	3.367.504.518	8.657.352.980
Người mua trả tiền trước	2.315.455.451	2.446.709.451
Cộng	5.682.959.969	11.104.062.431

29. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	727.792.727	4.989.048.016	(4.884.239.396)	832.601.347
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.506.563.675	(2.506.563.675)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.120.933.577	4.590.376.783	(4.638.543.389)	1.072.766.971
Thuế xuất, nhập khẩu	-	308.106.038	(308.106.038)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.699.532.733	47.475.034.850	(31.419.837.917)	36.754.729.666
Thuế thu nhập cá nhân	321.831.125	10.576.066.602	(11.099.962.747)	(202.065.020)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.988.270.298	(2.988.270.298)	-
Các loại thuế khác	-	435.296.202	(432.617.262)	2.678.940
Cộng	22.870.090.162	73.868.762.464	(58.278.140.722)	38.460.711.904

Thuế nộp thừa được trình bày ở khoản mục Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.11).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Kinh doanh hàng miễn thuế, sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi	Không chịu thuế
- Dịch vụ vận tải hành khách quốc tế và xuất khẩu tại chỗ	0%
- Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	05% - 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh massage với thuế suất 30%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	122.518.785.167	109.626.562.332
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	133.567.406.410	177.125.981.884
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(16.536.618.058)</u>	<u>(17.908.140.485)</u>
Thu nhập chịu thuế	239.549.573.519	268.844.403.731
Thu nhập được miễn thuế	<u>(49.649.434.121)</u>	<u>(57.825.094.343)</u>
Thu nhập tính thuế	189.900.139.398	211.019.309.388
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<u>47.475.034.850</u>	<u>52.754.827.347</u>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước</i>	-	<u>8.544.445.318</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>47.475.034.850</u>	<u>61.299.272.665</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

30. Phải trả người lao động

Quỹ lương năm 2013 của Công ty được trích lập theo 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 áp dụng từ tháng 01 đến tháng 4: quỹ lương được trích lập trên cơ sở đơn giá tiền lương là 95,0030 đồng tiền lương/1000 đồng doanh thu;
- Giai đoạn 2 áp dụng từ tháng 5 đến tháng 12:
 - Quỹ lương được trích lập theo hướng dẫn tại thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 09 năm 2013 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội về Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
 - Quỹ lương viên chức quản lý được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 09 năm 2013 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội về Hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu

Số dư cuối năm là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**31. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	258.043.920	931.825.305
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	22.820.821	6
Nhận ký quỹ	1.591.917.707	1.205.913.617
Lợi nhuận và các quỹ phải nộp về Tổng Công ty cảng hàng không Miền Nam	26.726.856.788	-
Doanh thu chưa thực hiện – Tiền thu quảng cáo	1.100.475.573	1.668.096.798
Các khoản phải trả khác	7.300.702.862	6.574.660.323
Cộng	<u>37.000.817.671</u>	<u>10.380.496.049</u>

32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích lập từ lợi nhuận trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	25.977.837.579	24.983.501.281	(32.378.803.400)	18.582.535.460
Quỹ phúc lợi	36.332.631.484	24.983.501.280	(48.525.080.468)	12.791.052.296
Quỹ khác	475.000.000	269.308.326	(475.000.000)	269.308.326
Cộng	<u>62.785.469.063</u>	<u>50.236.310.887</u>	<u>(81.378.883.868)</u>	<u>31.642.896.082</u>

33. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.986.449.246	8.942.373.430
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.399.682.063	1.986.449.246
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-	(8.942.373.430)
Số cuối năm	<u>5.386.131.309</u>	<u>1.986.449.246</u>

34. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 45.

35. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược

Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi của các khách hàng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	2.012.995.303.195	1.814.728.041.677
- Doanh thu Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	1.024.728.010.857	897.137.863.063
- Doanh thu phòng kinh doanh hàng miễn thuế	812.529.841.628	800.830.271.073
- Doanh thu cho thuê mặt bằng quảng cáo	20.627.468.586	16.192.719.168
- Doanh thu Chi nhánh Phú Quốc	100.343.612.769	65.220.570.278
- Doanh thu Chi nhánh Hà Nội	50.950.548.402	32.185.180.411
- Doanh thu dịch vụ khác	3.815.820.953	3.161.437.684
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(4.614.497.759)	(5.060.569.797)
- Hàng bán bị trả lại	(23.104.963)	(3.853.284)
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	(4.590.376.783)	(5.055.642.432)
- Thuế giá trị gia tăng	(1.016.013)	(1.074.081)
Doanh thu thuần	<u>2.008.380.805.436</u>	<u>1.809.667.471.880</u>

Trong đó:

- Doanh thu thuần Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	1.020.190.536.100	892.473.932.257
- Doanh thu thuần Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	812.529.841.628	800.830.271.073
- Doanh thu thuần cho thuê mặt bằng quảng cáo	20.627.468.586	16.192.719.168
- Doanh thu thuần Chi nhánh Phú Quốc	100.266.589.767	65.125.107.695
- Doanh thu thuần Chi nhánh Hà Nội	50.950.548.402	32.185.180.411
- Doanh thu thuần dịch vụ khác	3.815.820.953	2.860.261.276

Doanh thu trên bao gồm cả doanh thu tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc với nhau là 19.539.467.583 VND (năm trước là 18.523.590.129 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	605.485.983.977	545.469.713.543
Giá vốn Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	617.072.083.596	608.430.088.626
Giá vốn cho thuê mặt bằng quảng cáo	18.187.750.763	12.774.958.336
Giá vốn Chi nhánh Phú Quốc	90.060.833.027	56.064.201.781
Giá vốn Chi nhánh Hà Nội	49.034.890.412	31.013.902.278
Giá vốn dịch vụ khác	1.319.590.504	1.294.029.970
Cộng	<u>1.381.161.132.279</u>	<u>1.255.046.894.534</u>

Chi tiết giá vốn hàng bán theo khoản mục:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng mua	1.248.134.023.918	1.162.179.201.481
Giá thành sản xuất xuất bán	4.653.336.197	2.971.879.566
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	32.250.019.965	22.942.614.985
Chi phí nhân công trực tiếp	28.862.101.394	20.196.424.635
Chi phí sản xuất chung	67.261.650.805	46.756.773.867
Cộng	<u>1.381.161.132.279</u>	<u>1.255.046.894.534</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	641.041.114	1.659.708.516
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	35.870.632.307	39.211.010.713
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	49.649.434.121	56.329.183.063
Lợi nhuận hợp tác liên doanh	-	2.477.729.462
Lãi bán cổ phiếu	-	801.900.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.239.463.878	1.250.705.937
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.714.828.402	8.501.841.534
Chiết khấu thanh toán	40.504.620	25.192.026
Cộng	<u>105.155.904.442</u>	<u>110.257.271.251</u>

(*) Trong đó, giá trị cổ phiếu thưởng được chia ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo hướng dẫn Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính với số tiền là 19.862.610.000 VND.

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.429.075.383	2.285.204.591
(Hoàn nhập)/ Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, ngắn hạn (*)	16.446.459.350	(62.844.981.851)
Lỗ bán cổ phiếu	-	17.759.996.109
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.004.266.266	13.050.301.062
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	422.964.015	-
Cộng	<u>25.302.765.014</u>	<u>(29.749.480.089)</u>

(*) Trong đó, khoản lập dự phòng giảm giá cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á đối với cổ phiếu thưởng ghi nhận bổ sung là 14.966.250.000 VND.

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	88.491.572.205	78.998.085.640
Chi phí vật liệu	4.469.986.834	4.152.781.379
Chi phí dụng cụ	4.761.830.778	3.897.019.072
Chi phí khấu hao	1.383.655.381	1.379.267.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.733.515.463	162.394.846.268
Chi phí khác	52.826.637.202	50.053.739.152
Cộng	<u>342.667.197.863</u>	<u>300.875.739.091</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	108.229.296.390	109.788.186.744
Chi phí vật liệu	565.800.543	497.545.523
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.170.900.911	1.515.853.981
Chi phí khấu hao	2.598.078.248	3.738.634.703
Thuế, phí, lệ phí	3.613.811.189	3.606.821.437
Chi phí dự phòng	116.413.991.045	149.254.584.680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.061.952.163	15.633.788.782
Chi phí khác	21.683.800.095	23.893.610.619
Cộng	<u>270.337.630.584</u>	<u>307.929.026.469</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.416.698.126	1.632.265.152
Thu nhập từ hỗ trợ	6.957.353.336	6.248.806.881
Thu nhập khác	19.161.770.886	17.431.735.796
Cộng	29.535.822.348	25.312.807.829

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	563.460.063	53.175.069
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	16.923.818	28.967.091
Chi phí khác	504.637.438	1.426.666.463
Cộng	1.085.021.319	1.508.808.623

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(20.715.826.281)	(43.636.749.282)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	3.399.682.063	(6.955.924.184)
Cộng	(17.316.144.218)	(50.592.673.466)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.319.839.909	39.977.643.874
Chi phí nhân công	226.369.166.489	210.592.334.758
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.439.200.973	25.600.554.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	230.697.049.020	196.572.332.898
Chi phí dự phòng	116.413.991.045	149.254.584.680
Chi phí khác	84.202.048.127	81.589.629.021
Cộng	744.441.295.563	703.587.079.561

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Ban điều hành và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.152.426.800	2.195.678.400
Tiền thưởng	621.043.400	427.434.600
Cộng	2.773.470.200	2.623.113.000



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam	Công ty chủ sở hữu
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	Công ty con
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay	Công ty liên kết
Công ty cổ phần phát triển vườn xanh	Công ty liên kết
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam		
Lợi nhuận và các quỹ nộp về Tổng công ty	31.580.314.004	1.079.667.801
Mua hàng hóa và dịch vụ	192.984.829.802	194.945.064.271
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	20.539.975.469	19.902.493.660
Góp vốn	-	124.497.825.279
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	720.265.836	586.543.785
Góp vốn	-	105.526.950.000
Chi hộ	103.360.754	-
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco		
Mua hàng	2.785.872.075	3.621.370.900
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	-	6.015.395
Lãi liên doanh được chia	903.496.023	960.404.139
Các khoản chi hộ	-	1.000.000
Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay		
Mua hàng	3.540.078.550	3.032.240.000
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	-	43.500.000
Công ty cổ phần phát triển vườn xanh		
Bán hàng	324.658.409	311.366.573
Mua hàng và dịch vụ	25.355.773.105	17.733.658.100
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt		
Các khoản chi hộ	10.284.764.561	261.799.755.531
Mua hàng và dịch vụ	807.248.609	-
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	4.060.693.405	7.999.335

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	1.536.335.547	3.611.978.849
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	28.072.596	103.086.039
Thu hộ	15.214.513	-
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco		
Mua hàng		-
Ứng trước tiền mua hàng		188.082.675
Công ty cổ phần phát triển vườn xanh		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	11.652.740	-
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt		
Các khoản thu chi hộ	291.322.292.255	265.821.843.274
Các khoản phải thu khác và cung cấp hàng hóa dịch vụ	4.200.213.246	7.999.335
Phải thu chi hộ tiền thuế	363.122.986	-
Cộng nợ phải thu	<u>297.476.903.883</u>	<u>269.732.990.172</u>
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam		
Phải trả do mua hàng	5.345.759.765	17.748.780.166
Lợi nhuận và các quỹ nộp Tổng công ty	26.726.856.788	-
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco		
Phải trả do mua hàng	46.200.000	-
Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay		
Phải trả do mua hàng	459.676.500	407.132.000
Công ty cổ phần phát triển vườn xanh		
Phải trả do mua hàng và dịch vụ	2.622.161.285	2.015.468.215
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt		
Phải trả do mua hàng và dịch vụ	584.650.658	-
Cộng nợ phải trả	<u>35.785.304.996</u>	<u>20.171.380.381</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Công ty đã lập dự phòng cho khoản phải thu từ Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt với số tiền là 291.322.292.255 VND (xem thuyết minh số V.6 và V.13).

815-C
TY
HỮU HẠI
Á TU VÃ
C
HỒ CHÍ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Số liệu so sánh

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước		Số liệu sau điều chỉnh
			Các điều chỉnh	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp				
Các khoản phải thu khác	135	60.266.118.942	2.110.475.030	62.376.593.972
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10.090.975.583	295.624.000	10.386.599.583
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	(18.215.289.718)	1.405.980.571	(16.809.309.147)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	36.068.585.539	8.454.445.318	44.523.030.857
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13.365.616.060	9.611.739.672	22.977.355.732
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	61.475.830.142	1.309.638.921	62.785.469.063
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	796.856.904.658	1.079.667.801	797.936.572.459
Quỹ dự phòng tài chính	418	94.546.543.759	265.478.525	94.812.022.284

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.759.393.389	301.176.408	5.060.569.797
Doanh thu hoạt động tài chính	21	110.355.453.069	(98.181.818)	110.257.271.251
Chi phí tài chính	22	(28.343.499.518)	(1.405.980.571)	(29.749.480.089)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	308.653.002.679	(723.976.210)	307.929.026.469
Thu nhập khác	31	23.630.685.009	1.682.122.820	25.312.807.829
Chi phí khác	32	1.076.228.386	432.580.237	1.508.808.623
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	52.519.471.456	8.779.801.209	61.299.272.665
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(42.138.228.148)	(8.454.445.318)	(50.592.673.466)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

Lợi nhuận trước thuế	01	106.646.421.194	2.980.141.138	109.626.562.332
Các khoản dự phòng	03	87.742.064.832	(1.405.980.571)	86.336.084.261
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(305.321.523)	(2.110.475.030)	(2.415.796.553)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	20.674.599.014	831.938.463	21.506.537.477
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(35.823.257.689)	(295.624.000)	(36.118.881.689)

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	5.874.148.372	8.171.685.221
Trên 01 năm đến 05 năm	10.003.946.640	13.771.687.852
Trên 05 năm	86.860.039.695	88.906.304.273
Cộng	102.738.134.707	110.849.677.346

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	4.344.000.000	3.961.800.000
Trên 01 năm đến 05 năm	2.700.500.000	1.911.250.000
Cộng	<u>7.044.500.000</u>	<u>5.873.050.000</u>

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, thời gian tín dụng tối đa là 30 ngày, không cho tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	466.595.788.342	-	466.595.788.342
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	78.000.000.000	-	78.000.000.000
Phải thu khách hàng	71.495.929.993	3.813.983.596	75.309.913.589
Các khoản phải thu khác	37.429.617.171	321.362.532.255	358.792.149.426
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	102.478.638.880	69.633.950.000	172.112.588.880
Cộng	<u>755.999.974.386</u>	<u>394.810.465.851</u>	<u>1.150.810.440.237</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	342.036.370.774	-	342.036.370.774
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	218.000.000.000	-	218.000.000.000
Phải thu khách hàng	59.082.360.958	3.959.167.848	63.041.528.806
Các khoản phải thu khác	79.829.826.210	284.722.615.582	364.552.441.792
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	97.582.278.880	54.667.700.000	152.249.978.880
Cộng	796.530.836.822	343.349.483.430	1.139.880.320.252

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Vay và nợ	112.693.410.487	-	112.693.410.487
Phải trả người bán	361.862.417.234	-	361.862.417.234
Các khoản phải trả khác	34.575.526.887	436.424.144	35.011.951.031
Cộng	509.131.354.608	436.424.144	509.567.778.752
Số đầu năm			
Vay và nợ	88.254.925.909	-	88.254.925.909
Phải trả người bán	415.292.119.473	-	415.292.119.473
Các khoản phải trả khác	7.323.665.064	706.424.144	8.030.089.208
Cộng	510.870.710.446	706.424.144	511.577.134.590

Ban điều hành cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa và nguyên vật liệu sử dụng sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho việc kinh doanh hàng miễn thuế và các khoản chi trả hộ chi phí dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	EUR	GBP	USD	EUR	GBP
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.787.220,83	31.522,56	785,00	4.690.428,05	44.424,38	550,01
Phải thu khách hàng	664.271,37	130.216,36	-	542.226,09	-	59,35
Các khoản phải thu khác	-	597.048,11	-	247.867,37	3.731.433,73	-
Vay và nợ	(5.321.353,12)	-	-	(4.203.335,54)	-	-
Phải trả người bán	(14.929.879,64)	(20.164,31)	-	(16.814.745,86)	-	-
Các khoản phải trả khác	(18.982,20)	(10.100,00)	(490,00)	(124.339,47)	(430,00)	(20,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(15.818.722,76)	728.522,72	295,00	(15.661.899,36)	3.775.428,11	589,36

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 5.002.591.979 VND (năm trước giảm/tăng 4.889.047.478 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR cũng như VND và GBP đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Nợ phải trả thuần của khoản vay có lãi suất thả nổi của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 5.321.353,12 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 4,203,335.54 USD).

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản vay có lãi suất thả nổi có giá trị nhỏ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư

Ban điều hành đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa và nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	466.595.788.342	-	342.036.370.774	-	466.595.788.342	342.036.370.774
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	78.000.000.000	-	218.000.000.000	-	78.000.000.000	218.000.000.000
Phải thu khách hàng	75.309.913.589	(2.709.204.408)	63.041.528.806	(2.052.806.076)	72.600.709.181	60.988.722.730
Các khoản phải thu khác	358.792.149.426	(321.362.532.255)	364.552.441.792	(205.608.839.542)	37.429.617.171	158.943.602.250
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	172.112.588.880	(37.761.391.929)	152.249.978.880	(21.314.932.579)	134.351.196.951	130.935.046.301
Cộng	1.150.810.440.237	(361.833.128.592)	1.139.880.320.252	(228.976.578.197)	788.977.311.645	910.903.742.055

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	112.189.768.548	88.194.733.223	112.189.768.548	88.194.733.223
Phải trả người bán	361.862.417.234	415.292.119.473	361.862.417.234	415.292.119.473
Các khoản phải trả khác	35.011.951.031	8.030.089.208	35.011.951.031	8.030.089.208
Cộng	509.064.136.813	511.516.941.904	509.064.136.813	511.516.941.904

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

33004
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
A
VH-TJ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

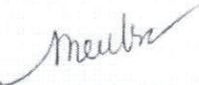
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

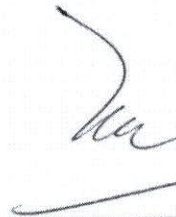
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 03 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban điều hành đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2014



Tôn Nữ Diệu Trí
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hùng Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Danh
Giám đốc Công ty

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	514.585.256.094	(2.839.094.310)	158.745.799.827	85.814.049.410	-	756.306.011.021	
Giảm vốn do quyết toán cổ phần hóa	(1.206.335.542)	-	-	-	-	(1.206.335.542)	
Tăng vốn từ quyết toán cổ phần hóa	234.359.000	-	-	-	-	234.359.000	
Tăng vốn từ lợi nhuận năm trước	88.983.868.062	-	-	-	-	88.983.868.062	
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	158.745.799.827	-	(158.745.799.827)	-	-	-	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	98.919.963.133	98.919.963.133	
Chia lãi hợp tác kinh doanh	-	-	-	-	(577.404.000)	(577.404.000)	
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	8.997.972.874	(53.386.103.718)	(44.388.130.844)	
Tăng vốn từ lợi nhuận trong năm	36.593.625.018	-	-	-	(36.593.625.018)	-	
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	2.839.094.310	-	-	-	2.839.094.310	
Số dư cuối năm trước	797.936.572.459	-	-	94.812.022.284	8.362.830.397	901.111.425.140	
Số dư đầu năm nay	797.936.572.459	-	-	94.812.022.284	8.362.830.397	901.111.425.140	
Tăng vốn từ quỹ dự phòng tài chính	94.812.022.284	-	-	(94.812.022.284)	-	-	
Chuyển quỹ về Công ty mẹ	(5.748.594.743)	-	-	(22.820.409.044)	-	(28.569.003.787)	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	92.359.894.535	92.359.894.535	
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	22.820.409.044	-	(73.056.719.931)	(50.236.310.887)	
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(3.011.310.217)	(3.011.310.217)	
Số dư cuối năm nay	887.000.000.000	-	-	-	24.654.694.784	911.654.694.784	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2014



(Signature)

Nguyễn Quốc Danh
Giám đốc Công ty

Nguyễn Văn Hùng Cường
Kế toán trưởng

Tôn Nữ Diệu Tri
Người lập biểu

